

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

Bản án số: 08 /2021/ HNGĐ-ST

Ngày: 28- 4-2021.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM¹
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thùy Hương và bà Nguyễn Thị Hải;

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 227/2020/TLST- HNGĐ , ngày 29 tháng 12 năm 2020; về việc: Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Hải L; sinh năm: 1980;

Địa chỉ: Thôn 6, xã T, huyện B, tỉnh Q. Có mặt;

2. Bị đơn: Chị Phan Thị T; sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Khoa dược Bệnh viện đa khoa huyện B, tỉnh Q. Có mặt.

Đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Q ngày 18/11/2015, Giấy chứng nhận kết hôn số 51/2015, quyền số 01/2013.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên phiên tòa nguyên đơn anh Trần Hải L trình bày: Anh L và chị T kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q vào ngày 18 tháng 11 năm 2015; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc; hai vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mà không thể hòa hợp được. Nguyên nhân là chị T coi thường chồng và cha, mẹ, gia đình chồng. Nay anh L xin ly hôn chị T. Hai vợ chồng có hai con chung là Trần Hải K, sinh ngày 24/10/2016; Trần Gia N, sinh ngày 16/01/2019. Sau ly hôn anh L xin được nuôi con Trần Hải K, nhất trí giao con Trần Gia N cho chị T nuôi; không yêu cầu chị T đóng góp phí tổn nuôi con. Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Phan Thị T trình bày: Chị T và anh L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Quảng Bình vào ngày 18/11/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L ngoại tình. Nay anh L xin ly hôn chị T nhất trí ly hôn. Về con chung thống nhất như trình bày của anh L là vợ chồng có hai con chung, sau ly hôn thì chị T xin được nuôi cả hai con; không yêu cầu anh L đóng góp phí tổn nuôi con. Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp phát sinh giữa anh Trần Hải L và chị Phan Thị T là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh L kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh Q vào ngày 18 tháng 11 năm 2015; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống hạnh phúc được một thời gian, sau đó phát sinh mâu thuẫn vì bất đồng quan điểm sống, tính tình không phù hợp, tình cảm không thể hàn gắn được. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình, xử cho anh L được ly hôn chị T là có căn cứ.

[3]. Về con chung: Hai vợ chồng có hai con chung là Trần Hải K, sinh ngày 24/10/2016; Trần Gia N, sinh ngày 16/01/2019. Sau ly hôn anh L xin được nuôi con Trần Hải K, nhất trí giao con Trần Gia N cho chị T nuôi; không yêu cầu chị T đóng góp phí tổn nuôi con. Sau ly hôn chị T xin được nuôi cả hai con; không yêu cầu anh L đóng góp phí tổn nuôi con. Do vậy, giao con Trần Hải K cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Trần Gia N cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh của chị T, anh L; không ai phải đóng góp phí tổn nuôi con, là có căn cứ;

[4] Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. Về án phí: Anh L chịu nộp án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000đ để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật.

[6]. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 57, Điều 58 Luật Hôn nhân Gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử, anh Trần Hải L được ly hôn chị Phan Thị T.

2. Về con chung: Giao con Trần Hải K, sinh ngày 24/10/2016 cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Trần Gia N, sinh ngày 16/01/2019 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Anh L và chị T không ai phải đóng góp phí tổn nuôi con.

Cấm chị T và anh L ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung.

Khi cần thiết một trong hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con khi có một trong các căn cứ được quy định tại khoản 2 Điều 84 Luật Hôn nhân Gia đình.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Anh Trần Hải L chịu nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) anh L đã nộp theo Biên lai số 0000552 ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trách, tỉnh Quảng Bình. Như vậy, anh L đã nộp đủ án phí.

5. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28 /4 /2021).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Quảng Bình;
- VKS huyện Bồ Trách(2)
- Chi cục THA DS huyện Bồ Trách;
- Chị Phan Thị T;
- Anh Trần Hải L;
- UBND xã T(Đề biết);
- Lưu hồ sơ, vpTòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Thanh Vân

